

Số: /BC-UBND

An Thanh, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 241/KH-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Tứ Kỳ về cải cách hành chính nhà nước huyện Tứ Kỳ năm 2023. UBND xã An Thanh báo cáo kết quả triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Căn cứ kế hoạch của UBND huyện Tứ Kỳ, ngày 30/12/2022, UBND xã xây dựng và ban hành kế hoạch số 56/KH-UBND về Cải cách hành chính nhà nước xã An Thanh năm 2023. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, UBND xã đã phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng cán bộ, công chức thực hiện các nhiệm vụ ở từng nội dung: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; đánh giá tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội. Các nhiệm vụ công tác CCHC năm 2023 bám sát vào chỉ đạo của các cấp, cụ thể hoá các chỉ tiêu, nhiệm vụ gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, đồng thời lấy CCHC là một trong những tiêu chí quan trọng trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm đối với tập thể, cá nhân.

Để thực hiện có hiệu quả công tác hỗ trợ người dân trong thực hiện các dịch vụ công trực tuyến tại địa phương, UBND xã đã thành lập tổ hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến tại bộ phận một cửa của xã với thành viên là các ông bà đại diện cho MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội xã, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã; Thành lập đường dây nóng và địa chỉ hộp thư điện tử tiếp nhận thông tin về hỗ trợ TTHC cho người dân trên địa bàn xã để kịp thời tiếp nhận những thông tin, phản ánh của người dân liên quan đến công tác CCHC và giải quyết các thủ tục hành chính.

6 tháng đầu năm 2023, UBND xã chủ động và nghiêm túc trong việc quán triệt, triển khai thực hiện công tác CCHC; xây dựng, triển khai đầy đủ các kế hoạch theo chỉ đạo của cấp trên.

UBND xã ban hành Kế hoạch số 58/KH- UBND ngày 30/12/2022 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023. Đã thực hiện đăng tải 258 văn bản chỉ đạo điều hành và 30 tin bài được đăng trên trang thông tin điện tử của xã, đảm bảo kịp thời. Trong đó có 40 văn bản chỉ đạo và 12 tin bài tuyên truyền về công tác CCHC và chuyển đổi số, tuyên truyền 1.180 lượt trên đài truyền thanh xã, tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử xã; Tuyên truyền 3 buổi tại cuộc

họp chi bộ, ngoài ra quán triệt trong thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể. Truyền truyền trực tiếp khi tiếp nhận, giải quyết các TTHC, niêm yết công khai các TTHC; quy trình giải quyết,...Tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, công chức, người lao động; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn; tổ chức, cử tri, Nhân dân trong xã.

Đã tổ chức họp chuyên đề triển khai các kế hoạch: họp lồng ghép: 06 cuộc (*các phiên họp thường kỳ của UBND xã*).

Qua thực hiện công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức (*những người trực tiếp thực hiện, tham mưu thực hiện công tác CCHC tại địa phương*); giúp tổ chức, công dân nắm bắt được mục đích, yêu cầu, nội dung trong công tác CCHC, từ đó tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện.

UBND xã xây dựng Kế hoạch số 05/KH-HĐND ngày 14/2/2023 của UBND xã về tổ chức hội nghị tiếp xúc, đối thoại của đồng chí Chủ tịch UBND xã với nhân dân thôn An Lao, thời gian tháng 7/2023.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH

1. Cải cách thể chế

- *Công tác theo dõi thi hành pháp luật*

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 14/02/2023 về Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã và Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 14/02/2023 Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn xã.

Qua theo dõi, trong 06 tháng đầu năm 2023, tình hình tuân thủ pháp luật của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa bàn xã ngày càng được cải thiện, ý thức tuân thủ pháp luật đã được nâng lên. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, UBND xã luôn tuân thủ quy định pháp luật về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung, đồng thời nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình giải quyết. Không có hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên địa bàn xã.

- *Công tác tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật*

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 14/02/2023 về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện Đề án nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã An Thanh năm 2023.

Trong tháng 3/2023, UBND xã đã rà soát, xây dựng danh mục các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND xã ban hành còn hiệu lực liên quan đến lĩnh vực pháp luật về lao động, việc làm; về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu, qua kiểm tra, rà soát không có văn bản quy phạm pháp luật được ban hành. Đồng thời, UBND xã đã giao cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND xã ban hành.

- *Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*

UBND xã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2023 về Triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân" trên địa bàn xã; và Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/02/2023 về Công tác phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật luôn được UBND xã quan tâm, chỉ đạo. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên hệ thống loa truyền thanh, cổng thông tin điện tử của xã, qua các tổ chức chính trị - xã hội và qua giải quyết các công việc trực tiếp với nhân dân. Tuyên truyền cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn xã tham gia cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến tỉnh Hải Dương do Hội đồng phối hợp pháp luật tỉnh Hải Dương tổ chức.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kiểm soát thủ tục hành chính

UBND xã xây dựng, ban hành và triển khai các kế hoạch gồm:

- Kế hoạch số 11/KH-UBND, ngày 15/02/2023 về triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4, số hoá hồ sơ, giải quyết TTHC và thanh toán trực tuyến trong tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã năm 2023.

- Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 21/02/2023 về kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn xã năm 2023.

- Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 21/02/2023 về rà soát đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn xã An Thanh năm 2023.

- Công văn số 85/UBND-VP, ngày 11/5/2023 của UBND xã về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Quyết định số 54/QĐ-UBND, ngày 16/3/2023 về việc thành lập Tổ hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến tại xã.

- Quyết định số 109/QĐ-UBND, ngày 15/5/2023 về việc kiện toàn Tổ hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến tại xã.

Chỉ đạo cán bộ, công chức chuyên môn trong quá trình tham mưu và trực tiếp giải quyết các TTHC chủ động thực hiện việc rà soát, cập nhật, thống kê các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp xã để kịp thời niêm yết công khai; phát hiện, kiến nghị cấp trên sửa đổi, bãi bỏ, thay thế các quy định TTHC không còn phù hợp, gây khó khăn, cản trở cho việc thực hiện của tổ chức, công dân (*Trong 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân xã đã kịp thời thông báo niêm yết công khai bổ sung 5 thủ tục mới, bãi bỏ một thủ tục, đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ một thủ tục Liên thông về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi thuộc lĩnh vực hộ tịch*); thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định; tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính và quy định hành chính liên quan.

b) Việc công khai thủ tục hành chính tại UBND xã: UBND xã đã niêm yết công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Bộ phận một cửa; hình thức niêm yết bằng "Bảng gắn trên tường"; vị trí, hình thức, cách thức niêm yết thuận lợi cho việc tìm hiểu, trao đổi, ghi chép, tra cứu thông tin về TTHC, theo kế hoạch kiểm soát TTHC và tự kiểm tra công tác CCHC. Cán bộ, công chức chuyên môn thường xuyên thực hiện việc rà soát, cập nhật, niêm yết bổ sung hoặc thay thế các thủ tục, thành phần TTHC khi có thay đổi.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương 141, có 17 TTHC liên thông; 14 TTHC theo ngành dọc (quân sự), lĩnh vực Công an: 12.

c) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Các thủ tục hành chính được niêm yết công khai, minh bạch, thuận tiện cho việc theo dõi, tra cứu và giám sát của công dân. UBND xã đã thực hiện việc công khai các quy định, quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Kết quả giải quyết các thủ tục hành chính, cụ thể như sau: Tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết: 1395 hồ sơ (tiếp nhận trong kỳ 1366 hồ sơ, kỳ trước chuyển sang 29 hồ sơ), trong đó trả trước hạn 1379 hồ sơ, đúng hạn 7 hồ sơ, quá hạn 1 hồ sơ, đang giải quyết trong hạn 8 hồ sơ (Lý do có 01 hồ sơ quá hạn là do yếu tố khách quan mất điện cơ quan nên không kích trả trực tuyến, công dân đã nhận kết quả trực tiếp trước hạn và không có ý kiến gì). Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông: 50 hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp là 29 (trong đó 14 hồ sơ lĩnh vực người có công mức độ 2). Số hồ sơ giải quyết thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 là $1381/1395 = 99\%$, số hồ sơ được số hoá đạt trên 98%. Không có hồ sơ thủ tục hành chính yêu cầu người dân bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên.

+ UBND bố trí 07 công chức làm việc tại Bộ phận một cửa gồm Văn phòng-Thống kê; Tư pháp-Hộ tịch; Địa chính-Xây dựng; Văn hóa -Xã hội (phụ trách công tác Lao động – thương binh – xã hội), công an , quân sự. Cơ sở vật chất cơ bản được đảm bảo để phục vụ hoạt động dịch vụ công, bố trí máy tính, máy scan, mạng internet đảm bảo cho việc thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, UBND xã không để xảy ra tình trạng sai sót, vi phạm trong quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa; đồng thời cũng không nhận được trường hợp khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

Các thủ tục hành chính đã giải quyết được lưu trữ vào hệ thống sổ sách theo quy định, riêng lĩnh vực hộ tịch được giải quyết và lưu trữ đồng thời trên sổ sách và trên phần mềm. Công chức làm việc tại bộ phận một cửa thường xuyên cập nhật hồ sơ vào phần mềm một cửa liên thông đảm bảo đúng quy trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế các cơ quan, đơn vị theo Hướng dẫn số 22-HD/BTCTU và Đề án số 01-ĐA/TU ngày 29/8/2016 của Tỉnh ủy về “Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2016-2021”. Tính đến nay, tổng số cán bộ, công chức xã là 19/20 đồng chí (cán bộ 10 đồng chí, công chức 9 đồng chí). Cụ thể:

+ Đối với cán bộ: bố trí mỗi chức danh do 01 người đảm nhiệm, bố trí Phó Bí thư thường trực Đảng ủy kiêm chủ tịch HĐND xã.

+ Đối với công chức: Mỗi chức danh công chức Văn phòng – Thống kê, địa chính nông nghiệp xây dựng và môi trường, Văn hóa xã hội bố trí mỗi chức danh 2 người, các chức danh còn lại 01 người. Hiện xã còn thiếu 01 chức danh công chức đó là Công chức Địa chính – xây dựng – nông nghiệp xây dựng Nông thôn mới do có sự điều động công chức trong nội bộ xã (*công chức Văn hóa – xã hội chuyển sang chức danh công chức Văn phòng – Thống kê; công chức Công chức Địa chính – xây dựng – nông nghiệp xây dựng Nông thôn mới chuyển sang chức danh công chức Văn hóa – xã hội*).

+ Đối với đội ngũ cán bộ không chuyên trách từ xã đến thôn: cán bộ không chuyên trách cấp xã còn 10 người đảm nhiệm, cán bộ không chuyên trách ở thôn đã bố trí mỗi thôn có 02 người đảm nhiệm 03 chức danh (Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn) đến nay tổng số là 06 người đảm nhiệm. Người tham gia trực tiếp công việc ở thôn có 06 người, đảm nhiệm các chức danh phó thôn, công an viên thôn, thôn đội trưởng.

Từng bước sắp xếp đảm bảo theo Nghị quyết số 05/2020/NĐ-HĐND của HĐND tỉnh.

Hiện nay chính quyền cấp xã hoạt động có hiệu quả, theo đúng Luật tổ chức chính quyền địa phương dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền; giải quyết công việc nhanh gọn, kịp thời.

4. Cải cách chế độ công vụ

Số lượng cán bộ, công chức tại xã hiện có 19/20 người (trong đó có 10 cán bộ, 9 công chức), không có lao động hợp đồng. Chất lượng đội ngũ CBCC xã ngày càng được nâng cao, số lượng cán bộ công chức đạt chuẩn là 17/19 người, trong đó trình độ chuyên môn: thạc sỹ là 01 người, đại học là 16 người, trung cấp 02 người (01 người đang học Đại học); trình độ lý luận chính trị: trung cấp 17 người, sơ cấp 02 người (trong đó, đang tham gia lớp bồi dưỡng trung cấp LLCT 01 người); quản lý nhà nước ngạch chuyên viên 16 người. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm từ đó chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã từng bước được nâng lên, ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức: Ngày 21/02/2023 UBND xã đã ban hành kế hoạch số 15-KH/UBND về đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2023. 6 tháng đầu năm, cán bộ công chức xã đã tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn như: Hội nghị tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp; lớp bồi dưỡng cập nhật nâng cao kiến thức kỹ năng cơ bản về tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị - xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; lớp bồi dưỡng văn hóa công vụ năm 2023; lớp bồi dưỡng chương trình kỹ năng nghiệp vụ hỗ trợ công việc; tập huấn nghiệp vụ công tác CCHC năm 2023.

Cán bộ, công chức chấp hành nghiêm nội quy, quy chế làm việc, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Cấp dưới phải thực hiện nghiêm sự chỉ đạo, điều hành, yêu cầu của cấp trên. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo và các nội dung chỉ đạo theo yêu cầu của cấp trên đảm bảo tiến độ, chính xác, chất lượng. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc công chức thực hiện nhiệm vụ, các văn bản chỉ đạo của lãnh đạo UBND xã giao. Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đúng giờ giấc làm việc, trang phục công sở, văn hóa ứng xử nơi công sở, đeo thẻ cán bộ, công chức; ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân tận tình, chu đáo. 6 tháng đầu năm 2023, xã không có cán bộ, công chức vi phạm phải xử lý kỷ luật.

5. Cải cách tài chính công

Căn cứ Quyết định số 4677/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND huyện Tứ Kỳ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách xã, thị trấn năm 2023; UBND xã đã xây dựng kế hoạch phân bổ dự toán thu, chi đúng định mức, chế độ, tiêu chuẩn chi tiêu tài chính của ban, ngành, bộ phận tại đơn vị, từ đó tạo quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý và chi tiêu tài chính của từng ban, ngành, bộ phận tại đơn vị. thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng theo quy định.

Để chủ động sử dụng kinh phí được giao, quản lý sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả. Ngày 12/01/2022 UBND xã ban hành Quyết định số 10 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản tại trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã An Thanh căn cứ theo Thông tư liên tịch 71/2014/TTLT-BTC-BNV của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước và nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn hiện hành sau khi đã lấy ý kiến tham gia của tổ chức công đoàn cơ quan và được công khai trong toàn cơ quan, đồng thời gửi đến Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi theo quy định.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, UBND xã ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND về chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhằm triển khai có hiệu quả luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong sử dụng các nguồn lực nhà nước, khắc phục những hạn chế, yếu kém, tạo chuyển biến rõ nét trong ngăn chặn và đẩy lùi lãng phí. UBND xã thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền,

phổ biến, quán triệt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên gắn với việc học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tinh thần cần, kiệm, liêm, chính. Gắn liền với các công việc cụ thể:

UBND xã thực hiện công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2023, Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công, chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại UBND xã, cổng thông tin điện tử xã An Thanh theo đúng quy định.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm: 5.025.904.739 đồng, đạt 66,44% dự toán năm.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm: 4.814.608.494 đồng, đạt 63,65% dự toán năm.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm: 2.649.523.000 đồng, đạt 95,02% dự toán năm.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, UBND xã làm tốt công tác tuyên truyền lồng ghép thông qua các hội nghị của các ngành, đoàn thể để tuyên truyền tới đoàn viên, hội viên, nhân dân; UBND xã đã xây dựng kế hoạch số 58/KH-UBND, ngày 30/12/2022 về việc tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2023. Đã thực hiện đăng tải 258 văn bản chỉ đạo điều hành và 30 tin bài được đăng trên trang thông tin điện tử của xã, đảm bảo kịp thời. Trong đó có 40 văn bản chỉ đạo và 12 tin bài tuyên truyền về công tác CCHC và chuyển đổi số, tuyên truyền 1.180 lượt trên đài truyền thanh xã, tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử xã; Tuyên truyền 3 buổi tại cuộc họp chi bộ, ngoài ra quán triệt trong thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể. Truyền truyền trực tiếp khi tiếp nhận, giải quyết các TTHC, niêm yết công khai các TTHC; quy trình giải quyết,...

- Tổ chức 1 lớp tập huấn, tuyên truyền CCHC, chuyển đổi số và cài đặt các ứng dụng VnID cho hơn 150 đại biểu tham dự.

- Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết UBND xã mang lại hiệu quả cao như công tác số hóa hộ tịch.

- Quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, 100% máy tính tại trụ sở có kết nối Internet băng rộng FTTH và mạng truyền số liệu chuyên dùng cho Đảng ủy. 100% máy tính tại trụ sở UBND xã có kết nối mạng LAN, đáp ứng được nhu cầu trao đổi dữ liệu trong nội bộ cơ quan, có đầy đủ hệ thống tường lửa, hệ thống chống sét lan truyền bảo vệ mạng LAN. 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính. 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân xã đã trang bị thêm 5 máy tính, 02 máy scan, 4 tủ sắt, 2 kệ đựng tài liệu phục vụ (trong đó được tài trợ 01 máy tính cây, 01 máy scan) để tạo điều kiện cho cán bộ, công chức làm việc tốt hơn. Tuy nhiên, một số máy tính được trang bị từ lâu có cấu hình thấp còn phần nào gây khó khăn cho công tác của cán bộ, công chức.

UBND xã khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý văn bản trong công tác chỉ đạo và điều hành chung trong toàn xã. Cài đặt và sử dụng có hiệu quả các phần mềm ứng dụng chuyên ngành phục vụ công tác như: Phần mềm công chứng, chứng thực; phần mềm thống kê tư pháp; phần mềm hộ tịch; phần mềm chứng thực bản sao điện tử; phần mềm quản lý tài chính, phần mềm kế toán; phần mềm quản lý tài sản công; phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm trẻ em, phần mềm người có công, gia đình chính sách...

- Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư 01/2018/TT-VPCP về việc thực hiện Nghị định 61/2018 của Chính phủ; Kế hoạch kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn xã An Thanh năm 2023.

- Xây dựng Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 10/3/2023 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an ninh thông tin mạng trên địa bàn xã An Thanh năm 2023. Chỉ đạo, quản lý điều hành trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc nên đã tiết kiệm được giấy, mực. Từ đó tiết kiệm được nguồn ngân sách cho địa phương, 100% văn bản ban hành được ký số; các văn bản chuyển cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, người lao động đều gửi qua mail công vụ và hồ sơ công việc.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện CCHC năm 2023 được triển khai thực hiện nghiêm túc. Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, phân công cụ thể các nhiệm vụ CCHC năm 2023 cho từng công chức chuyên môn.

- Công tác tuyên truyền CCHC được quan tâm chỉ đạo bằng nhiều hình thức, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, nhất là tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4.

- Việc thực hiện đơn giản hóa TTHC gắn với việc thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” được triển khai đồng bộ và đi và nề nếp, đảm bảo đúng quy trình, đúng thẩm quyền giải quyết, rút ngắn được thời gian giải quyết công việc.

- Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được chú trọng. Việc số hóa hồ sơ, triển khai nộp hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến thông qua dịch vụ công mức độ 3,4 hàng tháng đều đạt 90% trở lên.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cần được phải tăng cường hơn nữa để đáp ứng yêu cầu trong công tác CCHC.

- Việc tuyên truyền, vận động người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 còn có mặt hạn chế, còn để phát sinh hồ sơ quá hạn; trình độ, nhận thức của người dân trong sử dụng các thiết bị công nghệ để thực hiện các thủ tục hành chính chưa cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác tuyên truyền về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước cho toàn thể cán bộ, công chức; thực hiện nghiêm yết công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC theo quy định.

2. Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính của UBND xã năm 2023; thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương. Xây dựng kế hoạch, tổ chức tự kiểm tra công tác CCHC tại xã.

3. Nâng cao chất lượng thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại cơ quan. Chú trọng triển khai thực hiện dịch vụ công mức độ 3, 4. Số hóa hồ sơ. Phân đầu đạt và vượt chỉ tiêu số hóa hồ sơ, số lượng hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến thông qua dịch vụ công mức độ 3,4 của UBND tỉnh giao.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan.

5. Tiếp tục quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; đảm bảo thực hiện đúng tiêu chuẩn, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức theo quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023 của UBND xã An Thanh./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Tứ Kỳ;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Ban Thường vụ Đảng ủy,
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội xã;
- Công chức UBND xã;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Tuấn Nhã

PHỤ LỤC
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH XÃ AN THANH
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của UBND xã)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản 13	40	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	60,5	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	38	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	23	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số tổ chức đã kiểm tra	Tổ chức	0	
3.2.	Số cá nhân đã kiểm tra	Cá nhân	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	1395	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành			
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành Văn bản	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Thống kê TTHC	Thủ tục		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	141	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	5	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	1	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	141	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	141	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	17	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,93	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1387	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1386	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	Không có PAKN	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	Không có PAKN	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN		

Biểu mẫu 4
Cải cách bộ máy hành chính nhà nước

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ các tổ chức đã hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Số tổ chức liên ngành do cấp xã thành lập	Tổ chức	0	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20/100 %	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19/95%	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại UBND cấp xã	Người	0/0 %	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0/0 %	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	2/100%	
3.	Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu dân cư			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	16/100 %	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	16/100 %	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0/0%	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	100%	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Vị trí việc làm của công chức			
1.1.	Số cán bộ, công chức đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Người	19/100 %	
1.2.	Số cán bộ, công chức đã được bố trí theo đúng vị trí việc làm theo quy định	Người	19/100 %	
1.3.	Số cán bộ, công chức không được bố trí theo đúng vị trí việc làm theo quy định	Người	0/0 %	
2.	Tuyển dụng công chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	0 Người	0 %	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	0 Người	0 %	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	0 Người	0 %	
3.	Số lượng cán bộ, công chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
3.1.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật	0 Người	0 %	
3.2.	Số công chức cấp xã bị kỷ luật	0 Người	0 %	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Tỷ đồng	2,7/100%	
1.2.	Đã thực hiện	tỷ đồng	2.65/95.02%	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của cơ quan, đơn vị tại địa phương (lấy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
2.2.	Số Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	Số Đơn vị tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2.	Số Đơn vị tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3.	Số Đơn vị tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.5.	Số Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.6.	Số lượng Đơn vị đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lấy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0	1	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	100 %	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	100 %	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	Thủ tục	66	
6.4.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	Thủ tục	66	
6.4.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	Thủ tục	15	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	Thủ tục	43	
6.5.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	Thủ tục	43	

	4			
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	06	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	109	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	109	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	99,13	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	1395	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	1381	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	0%		
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	28	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	28	